

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/KDTM-ST

Ngày 29 - 9 - 2017

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tân Lập - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2016/TLST-KDTM ngày 07 tháng 7 năm 2016 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2017/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; địa chỉ: Số X đường Y, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: Số X đường Y, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (*Theo Quyết định số 86/QĐ-DAB ngày 28/9/2017 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh G*). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Dương Xuân B (đã chết) và bà Chu Thị H; địa chỉ: Thôn A, xã H, Huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Dương Xuân B:

1. Bà Chu Thị H; địa chỉ: Thôn A, xã H, Huyện G, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

2. Bà Võ Thị S; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn C, Huyện S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

3. Cháu Dương Anh H; địa chỉ: Thôn A, xã H, Huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

4. Cháu Dương Minh V; sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn A, xã H, Huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của cháu Dương Minh V: Ông Chu Văn B và bà Chu Thị C; địa chỉ: Thôn A, xã H, Huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 28 tháng 3 năm 2016 của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Văn T và ông Bùi Đức T trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thông qua Phòng giao dịch P trước đây thuộc Chi nhánh Đ nay thuộc Chi nhánh G (viết tắt là Ngân hàng) có cho ông Dương Xuân B và bà Chu Thị H vay tiền theo Hợp đồng vay vốn số K.1242/1 ngày 15/7/2013, số tiền vay là 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*), mục đích vay là kinh doanh nông sản.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Dương Xuân B và bà Chu Thị H không trả cho Ngân hàng được khoản tiền gốc và lãi nào.

Tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2017, ông Dương Xuân B và bà Chu Thị H nợ Ngân hàng tổng số tiền là 441.781.250 đồng (*bốn trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng*), trong đó gồm: nợ gốc là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), lãi trong hạn là 32.937.500 đồng (*ba mươi hai triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*), lãi quá hạn là 158.843.750 đồng (*một trăm năm mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*).

Ông Dương Xuân B và bà Chu Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ số tiền vay của ông B và bà H đã được chuyển nợ quá hạn.

Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trên có Hợp đồng thế chấp bất động sản số K.4007/HĐTC ngày 15/7/2013 được ký giữa Ngân hàng với vợ chồng Dương Xuân B và bà Chu Thị H. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 229722 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 26 tháng 8 năm 2009 cho ông B và bà H; thửa đất số 71; tờ bản đồ số 30; có tổng diện tích 3.286m².

Trước đây Ngân hàng yêu cầu ông Dương Xuân B và bà Chu Thị H phải trả số tiền nợ, tuy nhiên ông B đã chết cho nên nay Ngân hàng yêu cầu bà H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B gồm bà H, bà Võ Thị

S, cháu Dương Anh H và cháu Dương Minh V phải trả tổng số tiền nợ là 441.781.250 đồng (*bốn trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng*), trong đó có nợ gốc là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), nợ lãi tạm tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2017 gồm nợ lãi trong hạn là 32.937.500 đồng (*ba mươi hai triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*), nợ lãi quá hạn là 158.843.750 đồng (*một trăm năm mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*). Ông B và bà H phải trả nợ theo thứ tự phí (nếu có), lãi quá hạn, lãi trong hạn, nợ gốc. Trường hợp bà Chu Thị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B không trả được số nợ trên thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Trong Bản tự khai ngày 07 tháng 9 năm 2016, bị đơn là ông Dương Xuân B trình bày:

Ông Dương Xuân B và bà Chu Thị H có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng vay vốn được ký ngày 15/7/2013, khi vay để đảm bảo cho khoản tiền vay thì ông B và bà H có thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản được ký ngày 15/7/2013.

Từ khi vay cho đến nay ông B và bà H chưa trả được khoản tiền nào cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện thì ông B đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng nhưng vì điều kiện kinh tế đang khó khăn nên ông B đề nghị Ngân hàng cho ông B và bà H trả dần số nợ này.

Trong Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26 tháng 6 năm 2017, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Dương Xuân B là bà Võ Thị S trình bày:

Bà Võ Thị S thống nhất với các nội dung mà Tòa án nhân dân huyện Ia Grai đã thu thập được là: Ông Dương Xuân B có cha là ông Dương Đình Q (đã chết) và có mẹ là bà Võ Thị S; ông B và bà Chu Thị H có 03 người con là cháu Dương Hoàng A (đã chết), cháu Dương Anh H và cháu Dương Minh V; cháu Dương Anh H đang sống cùng với bà Chu Thị H không xác định được hiện nay đang cư trú ở đâu, có nơi cư trú cuối cùng là Thôn A, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai; cháu Dương Minh V đang sống cùng với ông bà ngoại tại Thôn A, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Ông Dương Xuân B không có cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi nào khác.

Bà đồng ý với các yêu cầu của Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về việc yêu cầu ông Dương Xuân B và bà Chu Thị H phải trả số nợ gốc là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*); nợ lãi tạm tính đến ngày 28 tháng 3 năm 2016 là 117.302.083 đồng (*Một trăm mười bảy triệu, ba trăm lẻ hai nghìn, không trăm tám mươi ba đồng*) và toàn bộ lãi phát sinh đến ngày Tòa án giải quyết. Ông B và bà H phải trả nợ theo thứ tự phí (nếu có), lãi quá hạn, lãi

trong hạn, nợ gốc. Trường hợp ông Dương Xuân B và bà Chu Thị H không trả được số nợ trên thì yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Trong Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 4 năm 2017, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Dương Xuân B là cháu Dương Minh V và người đại diện hợp pháp của cháu Dương Minh V là ông Chu Văn B và bà Chu Thị C trình bày:

Ông Dương Xuân B và bà Chu Thị H là cha mẹ ruột của cháu Dương Minh V, cháu V có hai anh ruột là Dương Hoàng A (đã chết) và Dương Anh H. Cháu Dương Anh H đang sống cùng với bà Chu Thị H không xác định được hiện nay đang cư trú ở đâu, có nơi cư trú cuối cùng là Thôn A, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai. Bà H đi khỏi nhà từ năm 2014 đến nay. Cháu Dương Minh V sống cùng với ông bà ngoại là ông Chu Văn B và bà Chu Thị C tại Thôn A, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai từ năm 2014 đến nay.

Ông Dương Xuân B không có cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi nào khác.

Cháu Dương Minh V đồng ý với các yêu cầu của Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ về việc yêu cầu ông Dương Xuân B và bà Chu Thị H phải trả số nợ gốc là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*); nợ lãi tạm tính đến ngày 28 tháng 3 năm 2016 là 117.302.083 đồng (*Một trăm mười bảy triệu, ba trăm lẻ hai nghìn, không trăm tám mươi ba đồng*) và toàn bộ lãi phát sinh đến ngày Tòa án giải quyết. Ông B và bà H phải trả nợ theo thứ tự phí (nếu có), lãi quá hạn, lãi trong hạn, nợ gốc. Trường hợp ông Dương Xuân B và bà Chu Thị H không trả được số nợ trên thì yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bà Chu Thị H và cháu Dương Anh H nhưng bà H và cháu H không đến Tòa án làm việc, vì vậy không có lời khai và yêu cầu của bà H và cháu H trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.
- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn thực hiện không đúng quy định của pháp luật.
- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.
- Về nội dung: Chấp nhận các yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có:

- Đơn khởi kiện ngày 28/3/2016.

- Hợp đồng vay vốn số K.1242/1 ngày 15/7/2013.
- Hợp đồng thế chấp bất động sản số K.4007/HĐTC ngày 15/7/2013.
- Quyết định số 123/QĐ-HĐQT-DAB ngày 29/9/2015.
- Quyết định ủy quyền thường xuyên số 140/QĐ-DAB ngày 18/01/2016.
- Quyết định tái bổ nhiệm số 205/QĐ-HĐQT-DAB ngày 30/10/2015.
- Quyết định ủy quyền số 21/QĐ-DAB ngày 28/3/2016.
- Quyết định số 100/QĐ-HĐQT-DAB ngày 04/11/2013.
- Công văn số 370/GLA-TTGSNH ngày 12/11/2013.
- Bảng tính lãi hồ sơ vay khách hàng ngày 28/3/2016.
- Hoạt động khế ước cho vay tín dụng ngày 28/3/2016.
- Giấy nhận nợ ngày 16/7/2013.
- Tờ trình hồ sơ vay ngắn hạn ngày 15/7/2013.
- Phương án vay vốn của ông Dương Xuân B.
- Giấy đề nghị vay vốn ngày 08/7/2013.
- Đơn xin xác nhận ngày 08/7/2013.
- Biên bản định giá tài sản thế chấp/cầm cố ngày 08/7/2013.
- Bản cam kết ngày 08/7/2013.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể ngày 30/6/2010.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đang ký thay đổi lần thứ 39 ngày 11/9/2015.
- Chứng minh nhân dân Dương Xuân B và Chu Thị H.
- Hộ khẩu Dương Xuân B.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 229722 cấp ngày 26/8/2009.
- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 15/7/2013.
- Điều lệ và tổ chức hoạt động của Ngân hàng TMCP Đ.
- Quyết định số 74/QĐ-DAB ngày 02/12/2016.
- Quyết định số 2045/QĐ-DAB-PC ngày 11/11/2016.
- Quyết định số 231/QĐ-DAB-HĐQT ngày 11/10/2016.
- Bảng tính lãi hồ sơ vay khách hàng ngày 05/12/2016.
- Quyết định số 2547/QĐ-DAB ngày 01/11/2012.
- Biên bản xác minh ngày 04/8/2016.
- Đơn xin cung cấp lại địa chỉ của người bị kiện ngày 10/8/2016.

- Bản tự khai Lê Văn T.
- 02 Bản tự khai Dương Xuân B.
- Công văn số 189/CV-TA ngày 04/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Tĩnh.
- 02 Biên bản xác minh ngày 30/11/2016.
- Trích lục khai tử của ông Dương Xuân B.
- Biên bản xác minh ngày 03/3/2017 của Công an xã K, Huyện A, tỉnh Hà Tĩnh.
- 02 Biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2017.
- Biên bản xác định người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng ngày 12/4/2017.
- Đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 12/4/2017.
- Biên bản xác minh ngày 12/4/2017.
- 02 Giấy nộp tiền ngày 25/4/2017.
- Phiếu thu ngày 26/4/2017.
- Hợp đồng thông báo – đăng tin ngày 26/4/2017.
- Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 25/4/2017.
- 03 số báo Nhân Dân.
- Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 26/6/2017.
- Đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án ngày 26/6/2017.
- Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (viết tắt là Ngân hàng) có hình thức và nội dung đúng theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Dương Xuân B và bà Chu Thị H có địa chỉ tại Thôn A, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai mà Tòa án nhân dân huyện Ia Grai đang tiến hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của Ngân hàng thấy rằng: Ngân hàng có cho ông Dương Xuân B và bà Chu Thị H vay tiền theo Hợp đồng vay vốn số K.1242/1 ngày 15/7/2013, số tiền vay là 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*), mục đích vay là kinh doanh nông sản, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 16/7/2013. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Dương Xuân B và bà Chu Thị H không trả cho Ngân hàng được khoản tiền gốc và lãi nào. Tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2017 thì ông B và bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 441.781.250 đồng (*bốn trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng*), trong đó có nợ gốc là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn là 32.937.500 đồng (*ba mươi hai triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*), nợ lãi quá hạn là 158.843.750 đồng (*một trăm năm mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*).

Xét, hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bên cho vay, nên việc khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2005 và Điều 4 của Hợp đồng vay vốn số K.1242/1 ngày 15/7/2013.

Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc ông B và bà H phải trả nợ theo thứ tự phí (nếu có), lãi quá hạn, lãi trong hạn, nợ gốc, Hội đồng xét xử nhận thấy tại khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng vay vốn số K.1242/1 ngày 15/7/2013 có nội dung “*Bên A sẽ ưu tiên thu tiền phạt vi phạm, phí (nếu có), thu tiền lãi vay và phần còn lại sẽ thu vào nợ gốc*” vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ tuyên buộc bị đơn phải trả nợ theo thứ tự phí (nếu có), tiền lãi và nợ gốc.

Về yêu cầu trong trường hợp ông Dương Xuân B và bà Chu Thị H không trả được số nợ trên thì Tòa án cho phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông B và bà H có giao kết Hợp đồng thế chấp bất động sản số K.4007/HĐTC ngày 15/7/2013, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại xã Ia H, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 229722 do Ủy ban nhân dân Huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 26 tháng 8 năm 2009 cho ông B và bà H; thửa đất số 71; tờ bản đồ số 30; có tổng diện tích 3.286m². Vì vậy căn cứ vào Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 5 của Hợp đồng thế chấp bất động sản số K.4007/HĐTC ngày 15/7/2013, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án thì đến ngày 10/9/2016 ông Dương Xuân B chết, vì vậy Tòa án đã đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Dương Xuân B vào tham gia tố tụng trong vụ án gồm mẹ của ông B là bà Võ Thị S, vợ của ông B là bà Chu Thị H, con của ông B là cháu Dương Anh H và cháu Dương Minh V là những người thừa kế theo pháp luật của ông B theo điểm a khoản 1 Điều 676 của Bộ luật Dân sự. Những người kế thừa quyền

và nghĩa vụ tổ tụng của ông Dương Xuân B cũng là người thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo quy định tại Điều 637 Bộ luật Dân sự năm 2005. Vì vậy, Hội đồng sẽ buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Dương Xuân B thay mặt ông B trả nợ cho Ngân hàng trong phạm vi di sản do ông B để lại.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Chu Thị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Dương Xuân B phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 7.544.000 đồng (*bảy triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn*), Ngân hàng tự nguyện chịu nên không đề cập trong phần quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 74, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 và Danh mục mức án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Pháp lệnh.

- Áp dụng Điều 319, Điều 355, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

2. Buộc bà Chu Thị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Dương Xuân B là bà Võ Thị S, bà Chu Thị H, cháu Dương Anh H và cháu Dương Minh V phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền nợ là 441.781.250 đồng (*bốn trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng*), trong đó có nợ gốc là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*), nợ lãi tạm tính đến ngày 29 tháng 9 năm 2017 gồm nợ lãi trong hạn là 32.937.500 đồng (*ba mươi hai triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*), nợ lãi quá hạn là 158.843.750 đồng (*một trăm năm mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*).

3. Bà Chu Thị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Dương Xuân B là bà Võ Thị S, bà Chu Thị H, cháu Dương Anh H và cháu Dương Minh V phải trả nợ theo thứ tự phí (nếu có), tiền lãi và nợ gốc.

4. Trong trường hợp bà Chu Thị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Dương Xuân B là bà Võ Thị S, bà Chu Thị H, cháu Dương Anh H và cháu Dương Minh V không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số K.4007/HĐTC ngày 15/7/2013 để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại xã Ia H, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 229722 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 26 tháng 8 năm 2009 cho ông B và bà H; thửa đất số 71; tờ bản đồ số 30; có tổng diện tích 3.286m².

5. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Dương Xuân B là bà Võ Thị S, bà Chu Thị H, cháu Dương Anh H và cháu Dương Minh V chỉ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ trong phạm vi di sản do ông Dương Xuân B để lại.

6. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

7. Về án phí: Bà Chu Thị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Dương Xuân B là bà Võ Thị S, bà Chu Thị H, cháu Dương Anh H và cháu Dương Minh V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 21.671.250 đồng (*hai mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm năm mươi đồng*). Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 9.182.552 đồng (*chín triệu, một trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm năm mươi hai đồng*) đồng tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0000056 ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS Huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hà